**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN PHƯỚC**
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Võ Thị Ngọc Nga.

2. Ông Phùng Văn Luân.

***-Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2020/TLST-HN ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HN ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn*: Anh **Hà Văn U**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp TT, xã THĐ, huyện TP, tỉnh TG (xin vắng mặt).

2.*Bị đơn*: Chị **Trương Thị Ph**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp TT1, xã THĐ1, huyện TP1, tỉnh T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hà Văn U trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, anh và chị Ph được sự đồng ý của gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện CL, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112/2011 ngày 01-9-2011. Sau khi

kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên cự cãi nhau do không phù hợp về tính tình. Đến tháng 4-2020 thì anh và chị Ph ly thân cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trương Thị Ph.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có hai con chung Hà Văn P, sinh ngày 25-7-2011 và Hà Văn B, sinh ngày 06-4-2017. Hiện nay, cháu Phú đang sống cùng chị Ph, cháu B đang sống cùng anh U. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung Hà Văn P cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Hà Văn B. Anh và chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Bị đơn Trương Thị Ph:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ chị Ph nhưng chị Ph vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Hà Văn U tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Trương Thị Ph, địa chỉ: ấp TT1, xã THĐ1, huyện TP1, tỉnh T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Hà Văn U có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chị Trương Thị Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn U và chị Trương Thị Ph sống chung năm 2011 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CL (nay là thị xã C), tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa anh U và chị Ph là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung không hạnh phúc theo anh U nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị Ph bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau. Anh chị ly thân từ tháng 4-2020 đến nay. Thời gian ly thân, anh chị không còn liên lạc để hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị Ph không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu anh U. Anh U xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn U.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có 02 con chung Hà Văn P, sinh ngày 25-7-2011 và Hà Văn B, sinh ngày 06-4-2017. Hiện nay, cháu P đang sống cùng chị Ph, cháu B đang sống cùng anh U. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung Hà Văn P cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Hà Văn B. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu P đang sống ổn định cùng chị Ph, anh U cũng đồng ý giao cháu P cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu B đang sống ổn định cùng anh U nên cần thiết tiếp tục giao con chung Hà Văn B cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh U giao con chung Hà Văn B cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Hà Văn P cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Anh U, chị Ph được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5]Về cấp dưỡng nuôi con: Anh U, chị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]Về án phí: Anh Hà Văn U phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:**

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hà Văn U và chị Trương Thị Ph.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hà Văn B, sinh ngày 06-4-2017 cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Hà Văn P, sinh ngày 25-7-2011 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Anh U, chị Ph được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh U, chị Ph chưa phải đóng góp nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4.Về án phí: Anh Hà Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20724 ngày 26-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Anh U đã nộp đủ án phí HNST.

5.Quyền kháng cáo: Anh U, chị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Tân Phước;
-Chi cục THADS huyện Tân Phước;
-Các đương sự;
-UBND xã TH, thị xã C,
tỉnh TG;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thuyền**